

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TRANSCEND VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TRANSCEND VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANSCEND VIET NAM IMPROT EXPORT TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRANSCEND IMPROT EXPORT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108128277

**3. Ngày thành lập:** 11/01/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 26 LK9 Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978.177.088

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                | 2392        |
| 2.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ loại Nhà nước cấm)                                                      | 4791        |
| 3.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                           | 2512        |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại khác trừ vàng.         | 4662        |
| 5.  | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm)                                               | 4774        |
| 6.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                   | 4530        |
| 7.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (trừ hoạt động Nhà nước cấm)                                                                          | 7120        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; | 8299(Chính) |
| 9.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                       | 2511        |
| 10. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                     | 2591        |
| 11. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                        | 3100        |
| 12. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                              | 3320        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                               | 4311        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                | 4321        |
| 15. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                   | 4632        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312 |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống khác không thuộc về điện; hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ; hệ thống máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi, thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.                                                    | 4329 |
| 19. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330 |
| 20. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng nền móng của các tòa nhà, thử độ ẩm, thử nước, chôn chân trụ, uốn thép, xây gạch, đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà, dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng bề mặt; dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; các công việc dưới bề mặt; xây dựng bể bơi ngoài trời; thuê cần trục có người điều khiển; Thi công sơn sàn công nghiệp Thử độ ẩm và các công việc thử nước Chống ẩm các tòa nhà | 4390 |
| 21. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới thương mại; (trừ hoạt động Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610 |
| 22. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4659 |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                | 4663 |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn keo dán; phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn nhựa                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 27. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2592 |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng, các công trình trên sông, đê, kè, đập, cống, xây dựng đường hầm, các công trình thể thao ngoài trời;                                                                                                                                                                                                                                      | 4290 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4633 |
| 30. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4634 |
| 31. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;                                                                                                                                         | 4649 |
| 32. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4653 |
| 33. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2022 |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4759 |
| 35. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, cát, đá, sỏi, xi măng, gạch xây, sơn, véc ni, kính xây dựng, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim; ống nối, khớp nối, chi tiết lắp ghép; thiết bị lắp đặt vệ sinh;                                                                                                                                                                                                                                 | 4752 |
| 36. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2394 |
| 37. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4100 |
| 38. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4210 |
| 39. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4220 |
| 40. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651 |
| 41. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4719 |
| 42. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4751 |
| 43. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2513 |
| 44. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị văn phòng; - Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: + Động cơ, + Dụng cụ máy, + Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, + Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, + Thiết bị sản xuất điện ảnh, + Thiết bị đo lường và điều khiển, + Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác; | 7730 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 45. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8130 |
| 46. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ, bán thông qua máy bán hàng tự động; Bán trực nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; Bán lẻ đại lý hưởng hoa hồng; (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                  | 4799 |
| 47. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4753 |
| 48. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4771 |
| 49. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4782 |
| 50. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710 |
| 51. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>- Thiết kế kiến trúc công trình<br>- Thiết kế nội, ngoại thất công trình<br>- Thiết kế công trình cấp thoát nước<br>- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp<br>- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình<br>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình<br>- Tư vấn lập dự án công trình xây dựng | 7110 |
| 52. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM THỊ MỸ HIỀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 02/02/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 122378303

Ngày cấp: 12/10/2017

Nơi cấp: CA Tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân Mỹ, Xã Lăng Sơn, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 26 LK 9 Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ MỸ HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/02/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 122378303

Ngày cấp: 12/10/2017

Nơi cấp: CA Tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Tân Mỹ, Xã Lãng Sơn, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 26 LK 9 Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội